

Phụ biểu số 01

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2010**

Đơn vị tính: Triệu đồng

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>DỰ TOÁN NĂM 2010</b>
<b>A</b>	<b><u>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</u></b>	<b><u>1.441.000</u></b>
1	Thu nội địa <sup>(1)</sup>	1.304.000
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	130.000
3	Thu phản ánh qua NSNN (Từ nguồn thu sổ xố)	7.000
<b>B</b>	<b><u>THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u></b>	<b><u>4.158.111</u></b>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	1.303.180
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.303.180
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ (%)	
2	Bổ sung ngân sách Trung ương	2.554.931
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	945.158
	- Thu từ nguồn bổ sung có MT từ NSTW	1.133.085
	- Bổ sung để thực hiện tiền lương tối thiểu và các chính sách bổ sung có mục tiêu	476.688
3	Dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000
<b>C</b>	<b><u>CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u></b>	<b><u>4.158.111</u></b>
1	Chi đầu tư phát triển (Bao gồm cả chi hỗ trợ doanh nghiệp)	341.670
2	Chi thường xuyên <sup>(2)</sup>	2.532.098
3	Dự kiến chi từ nguồn huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200
5	Chi dự phòng ngân sách	70.220
6	Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn do HĐND tỉnh giao thu tăng so với dự toán Trung ương giao	32.500
7	Chi thực hiện các CT MTQG, 135, trồng mới 5 triệu ha rừng và một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác	880.423

**Ghi chú:**

(1): Không bao gồm thu phạt an toàn giao thông, được thực hiện theo Thông tư số 89/2007/TT-BTC ngày 25/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

(2): Dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2010 đã bao gồm nguồn 10% tiết kiệm và 35-40% thu để lại thực hiện các cách tiền lương theo quy định.

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2010**

Đơn vị tính: Triệu đồng

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>DỰ TOÁN NĂM 2010</b>
	<b>TỔNG CÁC KHOẢN THU TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1.441.000</b>
<b>I</b>	<b>Tổng các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>1.304.000</b>
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	300.000
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	117.000
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	70.000
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	375.000
5	Lệ phí trước bạ	60.000
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-
7	Thuế nhà đất	13.000
8	Thuế thu nhập cá nhân	28.000
9	Thu phí xăng dầu	65.000
10	Thu phí và lệ phí	24.000
-	<i>Phí và lệ phí Trung ương</i>	690
-	<i>Phí và lệ phí địa phương</i>	23.310
11	Thu chuyển quyền sử dụng đất	-
12	Tiền sử dụng đất	200.000
13	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	28.000
14	Thu khấu hao CB nhà	-
15	Các khoản thu tại xã	7.350
16	Thu khác ngân sách	16.650
<b>II</b>	<b>Thuế XK, thuế NK, Thuế TTĐB, Thuế VAT hàng nhập khẩu do Hải quan thu</b>	<b>130.000</b>
<b>III</b>	<b>Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN</b>	<b>7.000</b>
	<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>4.165.111</b>
<b>A</b>	<b>Các khoản thu cân đối NSDP</b>	<b>4.158.111</b>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	1.303.180
	- Các khoản thu 100%	1.303.180
	- Thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%)	
2	Thu bổ sung từ NSTW	2.554.931

	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	945.158
	- Thu từ nguồn bổ sung có MT từ NSTW	1.133.085
	- Bổ sung để thực hiện tiền lương tối thiểu và các chính sách bổ sung có mục tiêu	476.688
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy định	-
4	Dự kiến thu huy động đầu tư xây dựng CSHT theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000
<b>B</b>	<b>Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN</b>	<b>7.000</b>
	- Thu xổ số kiến thiết	7.000

Phụ biểu số 03

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2010**

Đơn vị tính: Triệu đồng

<b>ST T</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>DỰ TOÁN NĂM 2010</b>
<b>A</b>	<b><u>Ngân sách cấp tỉnh</u></b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>3.677.829</b>
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	822.898
-	<i>Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%</i>	552.000
-	<i>Các khoản thu phân chi phần ngân sách tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)</i>	270.898
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	2.554.931
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	945.158
	- Thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	1.133.085
	- Bổ sung để thực hiện tiền lương tối thiểu và các chính sách bổ sung có mục tiêu năm 2009	476.688
3	Dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>3.677.829</b>
1	Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh	1.322.582
2	Chi thực hiện chương trình mục tiêu	880.423
3	Chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện	1.174.824
4	Dự kiến chi từ nguồn huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000
<b>B</b>	<b>Ngân sách huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường, thị trấn)</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách huyện (bao gồm cả NS xã, phường, thị trấn)</b>	<b>1.655.106</b>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	480.282
-	<i>Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%</i>	108.350
-	<i>Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)</i>	371.932
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	1.174.824
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách huyện (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường, thị trấn)</b>	<b>1.655.106</b>

Phụ biểu số 04

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2010**

Đơn vị tính: Triệu đồng

<b>ST T</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>DỰ TOÁN NĂM 2010</b>
	<b>TỔNG CHI NSDP (A+B+C+D)</b>	<b>4.165.111</b>
<b>A</b>	<b><u>Chi cân đối NSDP</u></b>	<b><u>3.277.688</u></b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>341.670</b>
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	158.800
2	Chi đầu tư XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất	180.000
3	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	2.870
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên<sup>(1)</sup></b>	<b>2.532.098</b>
1	Chi trợ giá điện ảnh miền núi	2.303
2	Chi sự nghiệp kinh tế	315.501
3	Chi sự nghiệp văn xã	1.656.190
	- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	1.132.435
	+ Chi sự nghiệp giáo dục	1.013.311
	+ Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	119.124
	- Chi sự nghiệp y tế	300.900
	- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	14.665
	- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	51.476
	- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	13.325
	- Chi đảm bảo xã hội	129.919
4	Chi Quản lý hành chính	500.231
5	Chi an ninh - quốc phòng địa phương	27.460
7	Dự kiến các khoản chi phát sinh	18.354
<b>III</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>	<b>70.220</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.200</b>
<b>V</b>	<b>Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu do HĐND tỉnh giao tăng so với dự toán Trung ương giao</b>	<b>32.500</b>
<b>VI</b>	<b>Dự kiến chi từ nguồn huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN</b>	<b>300.000</b>
<b>B</b>	<b><u>Chi thực hiện các CT MTQG, 135, trồng mới 5 triệu ha rừng và một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khác</u></b>	<b><u>880.423</u></b>

<b>C</b>	<b>Các khoản chi được quản lý qua NSNN</b>	<b>7.000</b>
	- Chi từ nguồn thu số xố kiến thiết	7.000
<b>D</b>	<b><u>Chi từ nguồn kết dư và chuyển nguồn năm 2008 sang năm 2009</u></b>	

**Ghi chú:** (1): Dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2010 đã bao gồm nguồn 10% tiết kiệm và 35-40% thu để lại thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

**SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH  
CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ NĂM 2010**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>ST T</b>	<b>Huyện, thành, thị</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp</b>	<b>Thu NS huyện được hưởng theo phân cấp</b>	<b>Dự toán chi ngân sách huyện</b>	<b>Số bổ sung từ NS cấp tỉnh cho NS huyện</b>
1	Việt Trì	204.700	228.180	251.158	22.978
2	Phú Thọ	35.750	33.770	87.393	53.623
3	Phù Ninh	37.810	41.610	103.394	61.784
4	Lâm Thao	30.350	29.170	99.006	69.836
5	Đoan Hùng	28.000	26.060	133.268	107.208
6	Thanh Ba	29.250	30.490	118.786	88.296
7	Hạ Hòa	19.820	16.226	129.515	113.289
8	Tam Nông	15.970	14.370	103.575	89.205
9	Thanh Thủy	13.800	12.224	84.168	71.944
10	Cầm Khê	15.880	13.900	133.417	119.517
11	Yên Lập	14.770	11.550	120.935	109.385
12	Thanh Sơn	20.160	17.840	166.694	148.854
13	Tân Sơn	5.440	4.892	123.797	118.905
<b>Cộng</b>		<b>471.700</b>	<b>480.282</b>	<b>1.655.106</b>	<b>1.174.824</b>